

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2014/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 11 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý hoạt động sáng kiến
trên địa bàn tỉnh Nam Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ, ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư 18/2013/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ, hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến, ban hành kèm theo Nghị định 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, tại Tờ trình số 58/TTr-SKHCN ngày 10/02/2014, về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Nam Định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản QPPL);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTTỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCTUBND tỉnh;
- Công báo tỉnh; Website tỉnh;
- Lưu: VP1, VP5, VP8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tuấn

Nam Định, ngày 12 tháng 3 năm 2014

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Nam Định

(Ban hành theo Quyết định số: 04 /2014/QĐ-UBND,
ngày 12 /3/2014 của UBND tỉnh Nam Định)

CHƯƠNG 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

Quy định này quy định về điều kiện, thủ tục công nhận sáng kiến tỉnh Nam Định; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến; trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động sáng kiến.

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Sáng kiến” là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp) mang lại lợi ích thiết thực cho cơ quan, đơn vị áp dụng được cơ sở công nhận.

2. “Tác giả sáng kiến” là người hoặc những người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình. Đồng tác giả sáng kiến là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến.

3. “Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến” là cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến.

Tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến nếu không có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào giao việc, thuê việc hoặc đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật cho tác giả để tạo ra sáng kiến đó.

4. “Sáng kiến cấp cơ sở” là giải pháp áp dụng tại cơ sở được cơ sở công nhận.

5. “Sáng kiến cấp ngành” (bao gồm cả sáng kiến cấp huyện/thành phố) là sáng kiến được áp dụng tại ngành hoặc cấp quản lý được ngành hoặc lãnh đạo huyện/thành phố công nhận.

6. “Sáng kiến cấp tỉnh” là sáng kiến cấp cơ sở (bao gồm cả sáng kiến cấp ngành) được UBND tỉnh công nhận.

Điều 3. Các điều kiện công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến được công nhận theo quy định này đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có tính mới trong phạm vi cơ quan, tổ chức.
- b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử và mang lại lợi ích thiết thực.
- c) Không thuộc đối tượng bị loại trừ quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Sáng kiến được coi là mới đối với một cơ quan, tổ chức nếu trước ngày nộp đơn đăng ký sáng kiến hoặc ngày áp dụng sáng kiến đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Không trùng với nội dung của sáng kiến đã đăng ký và áp dụng trước đó.
- b) Chưa bộc lộ công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật trong phạm vi ngành, cấp áp dụng sáng kiến.
- c) Chưa được cơ quan, đơn vị áp dụng hoặc có kế hoạch áp dụng trong sản xuất, công tác.
- d) Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến.

đ) Chưa được cơ quan, đơn vị hoặc cơ quan quản lý cấp trên quy định thành những biện pháp thực hiện bắt buộc, như tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm.

3. Sáng kiến được coi là mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng sáng kiến đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hiệu quả kỹ thuật), hoặc lợi ích xã hội, đời sống tinh thần (nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe, giáo dục, văn hoá, nghệ thuật, thể thao...), hoặc đem lại hiệu quả công tác quản lý của đơn vị, thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ đề ra.

4. Các đối tượng sau đây không được công nhận là sáng kiến:

- a) Giải pháp mà việc công bố, áp dụng giải pháp trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội.
- b) Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

Điều 4. Nội dung của sáng kiến

1. Nội dung của sáng kiến là tạo ra hoặc cải tiến giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp) mang lại lợi ích thiết thực cho cơ quan, đơn vị áp dụng.

2. Giải pháp kỹ thuật bao gồm:

- a) Cơ cấu (máy móc, thiết bị, công cụ lao động, sản phẩm kết cấu công trình ...).
- b) Chất (vật liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, chủng vi sinh, chế phẩm sinh học ...).
- c) Giống cây trồng, giống vật nuôi.

d) Quy trình (quy trình công nghệ; phương pháp khảo sát, thiết kế, thi công; kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; phương pháp chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật; phương pháp phân tích mẫu v.v.).

3. Giải pháp quản lý bao gồm:

a) Phương pháp tổ chức (ví dụ sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí nhân lực, phương tiện làm việc, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu), điều hành, kiểm tra, giám sát công việc trong kinh doanh (sản xuất, thương mại, dịch vụ), hành chính, sự nghiệp, phương pháp tác chiến, diễn tập, bảo vệ, v.v..

b) Tham mưu, đề xuất hoặc áp dụng khoa học công nghệ mới và thực hiện công việc được giao mang lại hiệu quả cao.

c) Mưu trí sáng tạo trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ tổ quốc.

4. Giải pháp tác nghiệp là phương pháp thực hiện thao tác nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh (sản xuất, thương mại, dịch vụ), trong công tác quản lý hành chính, sự nghiệp, trong đó có:

a) Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (ví dụ: tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu).

b) Phương pháp thẩm định, giám định.

c) Phương pháp tuyên truyền, đào tạo (giảng dạy, huấn luyện).

5. Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là phương pháp, bí quyết hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

Điều 5. Hồ sơ đăng ký công nhận sáng kiến

1. Thời hạn yêu cầu công nhận sáng kiến đối với giải pháp đã được áp dụng là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu.

2. Hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến gồm:

a) Đơn đề nghị đăng ký sáng kiến (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quy định này).

b) Báo cáo sáng kiến (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quy định này).

c) Hình ảnh, sản phẩm hoặc mô hình liên quan (nếu cần thiết).

d) Văn bản đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị công nhận sáng kiến cấp cơ sở (trường hợp đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh).

đ) Biên bản kết luận của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở (trường hợp đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh). Cơ quan, đơn vị nộp bản sao chứng thực.

Điều 6. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến

1. Cá nhân, tổ chức chuẩn bị 02 (hai) bộ hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến cấp cơ sở, sáng kiến cấp ngành theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 2, Điều 5, Quy định này nộp cho cơ quan, đơn vị nơi tác giả sáng kiến làm việc hoặc cho cơ quan, đơn vị nơi mà tác giả cho rằng có khả năng áp dụng sáng kiến của mình.

2. Cá nhân, tổ chức chuẩn bị 02 (hai) bộ hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2, Điều 5, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ (cơ quan quản lý sáng kiến tỉnh).

3. Cơ quan, đơn vị nhận đơn đăng ký sáng kiến có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến; cấp giấy biên nhận và ghi nhận vào sổ đăng ký sáng kiến. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không phù hợp theo quy định thì thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do.

4. Cơ sở tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ đơn và các tài liệu kèm theo (nếu có); giữ bí mật thông tin cần được bảo mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến.

CHƯƠNG 2:

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ XÉT, CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 7. Thẩm quyền xét công nhận sáng kiến

1. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp cơ sở, cấp ngành là Giám đốc doanh nghiệp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND huyện, thành phố nơi nhận đăng ký sáng kiến hoặc có sáng kiến áp dụng.

2. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp tỉnh: Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định công nhận.

3. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận.

b) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan, tổ chức nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến chấp thuận.

c) Hồ sơ xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến bao gồm các tài liệu sau đây:

(i) Văn bản đề nghị chấp thuận việc công nhận sáng kiến;

(ii) Bản sao đơn yêu cầu công nhận sáng kiến;

(iii) Báo cáo đánh giá của cơ sở xét công nhận sáng kiến về việc đối tượng nêu trong đơn đáp ứng đủ các điều kiện để được công nhận là sáng kiến theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Quy định;

(iv) Biên bản kết luận của Hội đồng sáng kiến (bản sao chứng thực).

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Hồ sơ yêu cầu xét chấp thuận sáng kiến, cơ quan xét chấp thuận sáng kiến có trách nhiệm xem xét và đánh giá việc công nhận sáng kiến theo các quy định của pháp luật để quyết định về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc công nhận sáng kiến; trường hợp không chấp thuận cần nêu rõ lý do.

Điều 8. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng Sáng kiến cấp cơ sở, cấp ngành, cấp huyện/thành phố do Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND huyện/thành phố; Giám đốc doanh nghiệp ra quyết định thành lập để xét duyệt sáng kiến.

2. Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập.

3. Thành phần Hội đồng sáng kiến:

a) Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở, cấp ngành gồm 5 ÷ 7 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên và Ủy viên thư ký Hội đồng;

b) Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh gồm 7 ÷ 9 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng, Phó chủ tịch Hội đồng, các ủy viên và Ủy viên thư ký Hội đồng;

c) Hội đồng sáng kiến bao gồm những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức công đoàn, đại diện cơ quan quản lý sáng kiến và các thành phần khác.

4. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến, thì người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến không được là thành viên của Hội đồng sáng kiến.

Điều 9. Nhiệm vụ Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng có nhiệm vụ giúp người ra quyết định thành lập xem xét, đánh giá hồ sơ đăng ký sáng kiến của tổ chức, cá nhân trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Tổ chức xét duyệt và trình cấp có thẩm quyền ra quyết định công nhận sáng kiến.

3. Đề xuất với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình UBND tỉnh cho phép áp dụng những sáng kiến và giải pháp có hiệu quả cao về kinh tế - xã hội vào sản xuất và đời sống.

4. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến là đối tượng được xét duyệt, công nhận.

Điều 10. Chế độ làm việc của Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt (trường hợp vắng mặt phải có ý kiến, phiếu đánh giá sáng kiến bằng văn bản) mới được coi là họp lệ.

2. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, áp dụng nguyên tắc bỏ phiếu hoặc biểu quyết theo đa số. Sáng kiến được công nhận phải đạt từ 2/3 số phiếu họp lệ hoặc ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng trở lên.

Điều 11. Trình tự xét sáng kiến:

Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

1. Cơ quan, đơn vị có hoạt động sáng kiến tiếp nhận, kiểm tra, phân loại hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có hoạt động sáng kiến ra quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến.

3. Hội đồng sáng kiến gửi hồ sơ sáng kiến đến các thành viên Hội đồng nghiên cứu trước khi họp Hội đồng từ 5 đến 7 ngày.

4. Hợp xét sáng kiến

a) Thư ký trình bày báo cáo tóm tắt nội dung sáng kiến.

b) Các thành viên Hội đồng sáng kiến nhận xét, đánh giá.

c) Chủ tịch Hội đồng tóm tắt, kết luận nhận xét, đánh giá chung.

d) Hội đồng tiến hành bỏ phiếu nhận xét, đánh giá.

e) Thư ký kiểm phiếu, lập và thông qua biên bản kiểm phiếu.

g) Thông qua và ký Biên bản họp Hội đồng.

Điều 12. Thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận sáng kiến

Giấy chứng nhận sáng kiến sẽ bị thu hồi và hủy bỏ trong các trường hợp sau:

a) Thông tin không trung thực hoặc không đúng sự thật.

b) Khi có khiếu nại về sáng kiến và được cơ quan thẩm tra xác minh đúng sự thật.

CHƯƠNG 3:

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ SÁNG KIẾN VÀ TÁC GIẢ SÁNG KIẾN

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến

1. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Đăng ký sáng kiến theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

b) Áp dụng sáng kiến.

c) Chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng.

2. Việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến không được xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

3. Đối với sáng kiến là đối tượng chuyển giao công nghệ (giải pháp kỹ thuật, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật...), việc chuyển giao sáng kiến cho cơ quan, tổ chức khác áp dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của tác giả sáng kiến

1. Tác giả sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại Điều 5 Quy định này;

b) Nhận tiền thù lao, tiền thưởng quy định tại Điều 16 Quy định này;

c) Hưởng các chế độ khuyến khích khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Tác giả sáng kiến có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin về sáng kiến cho cơ quan quản lý hoạt động sáng kiến;

- b) Tham gia triển khai áp dụng sáng kiến;
- c) Giữ bí mật thông tin theo thỏa thuận với chủ sáng kiến và theo quy định của pháp luật

Điều 15. Xác định tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến

1. Tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến là tổng số tiền tiết kiệm từ tất cả các khoản lợi trực tiếp có được từ việc áp dụng sáng kiến, sau khi đã trừ các chi phí phát sinh do việc áp dụng sáng kiến.
2. Tiền làm lợi trực tiếp được xác định trên cơ sở so sánh thực trạng kinh tế, kỹ thuật trước và sau khi áp dụng sáng kiến.
3. Tiền làm lợi gián tiếp từ việc áp dụng sáng kiến không được tính khi xác định tiền làm lợi.

Điều 16. Mức trả thù lao, trả thưởng cho tác giả sáng kiến

1. Nguyên tắc nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến
 - a) Đối với các đơn vị tự chủ về tài chính, tiền thưởng cho tác giả sáng kiến được trích từ nguồn lợi do áp dụng sáng kiến trong năm đầu tiên mang lại hoặc trích từ quỹ khen thưởng của đơn vị.
 - b) Đối với sáng kiến mà chủ sáng kiến là cơ quan quản lý, hành chính, sự nghiệp của nhà nước, có nghĩa vụ trả tiền thưởng cho tác giả sáng kiến từ nguồn ngân sách nhà nước được giao hàng năm.
2. Trường hợp chủ đầu tư tạo ra sáng kiến là tổ chức kinh tế hoặc là đơn vị sự nghiệp có thu và hạch toán độc lập, nếu giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không có thỏa thuận thì việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến được thực hiện theo quy định sau đây:
 - a) Thù lao trả hàng năm trong 3 năm đầu tiên áp dụng sáng kiến, trả trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày kết thúc mỗi năm áp dụng, với mức tối thiểu 7% tiền làm lợi thu được do áp dụng sáng kiến của mỗi năm, trường hợp không tính được tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến thì trả với mức tối thiểu 5 lần mức lương tối thiểu chung theo quy định của Nhà nước tại thời điểm trả thù lao;
 - b) Thù lao trả trong 3 năm kể từ ngày sáng kiến được công nhận, cho mỗi lần chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng, trả trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận thanh toán của mỗi lần chuyển giao, với mức tối thiểu 15% giá chuyển giao.
3. Trường hợp chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không phải là tổ chức kinh tế và không phải là đơn vị sự nghiệp có thu và hạch toán độc lập, nếu giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến không có thỏa thuận thì việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến được thực hiện như trường hợp không tính được tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp sáng kiến đang được bảo hộ sở hữu trí tuệ (dưới danh nghĩa sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn hoặc kiểu dáng công nghiệp,

giống cây trồng, quyền tác giả) nghĩa vụ trả tiền thù lao cho tác giả sáng kiến được thực hiện theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

CHƯƠNG 4:

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 17. Quy định quản lý nhà nước về sáng kiến

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh:

1) Tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng các văn bản quy phạm thể chế các quy định pháp luật về Sáng kiến trình UBND để ban hành;

2) Tổ chức các hoạt động sáng kiến của tỉnh, kể cả việc thành lập hội đồng và ra quyết định công nhận sáng kiến cấp tỉnh;

3) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sáng kiến;

4) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 14 và khoản 1, khoản 2 Điều 15 của Điều lệ Sáng kiến;

5) Chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các Sở, Ban, ngành của tỉnh tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 của Điều lệ Sáng kiến;

6) Xem xét, quyết định chấp thuận đối với việc công nhận sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật mà tác giả là người đứng đầu cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 của Điều lệ Sáng kiến;

7) Hướng dẫn tác giả tiến hành thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các giải pháp có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;

8) Tư vấn, hỗ trợ cung cấp thông tin cho các tác giả sáng kiến trong việc tạo ra, hoàn thiện sáng kiến và khai thác sáng kiến, hướng dẫn việc làm đơn yêu cầu công nhận sáng kiến trên cơ sở đề nghị của tác giả sáng kiến;

9) Báo cáo theo định kỳ hàng năm cho Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Cục Sở hữu trí tuệ) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình công nhận, phổ biến và áp dụng sáng kiến của tỉnh.

Điều 18. Nội dung chi và nguồn kinh phí chi cho hoạt động sáng kiến

1. Nội dung chi cho hoạt động sáng kiến:

- Chi giải thưởng cho các tổ chức, cá nhân có sáng kiến được công nhận.
- Chi khen thưởng các cơ quan, tổ chức có thành tích xuất sắc trong tuyên truyền, vận động phong trào Sáng kiến.
- Chi thù lao cho tác giả sáng kiến
- Tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân tham gia phong trào.

- Tổ chức Lễ tổng kết và trao giải thưởng cho sáng kiến được công nhận: bao gồm chi thuê địa điểm, trang trí khánh tiết,...

- Hỗ trợ cho các tác giả đạt sáng kiến (vé tàu, xe, ăn, ở đi, lại trong thời gian nhận giải thưởng) đối với các tác giả không thuộc biên chế nhà nước và không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- In ấn tài liệu, kỷ niệm chương hoặc cúp lưu niệm.

- Hoạt động của hội đồng giám khảo xét duyệt sáng kiến

2. Nguồn kinh phí chi cho hoạt động sáng kiến

a) Chế độ thù lao Hội đồng xét duyệt sáng kiến

Các thành viên, thư ký Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh, huyện (ngành) theo mức chi cho Hội đồng KHCN xét duyệt đề tài - dự án được quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-UBND ngày 14/5/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh

b) Tổ chức sản xuất, kinh doanh được sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để đầu tư cho hoạt động sáng kiến. Chi phí cho việc tạo ra và áp dụng sáng kiến, trả tiền thù lao, trả tiền thưởng cho tác giả sáng kiến, người đăng ký áp dụng sáng kiến được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế.

c) Cơ quan, tổ chức của Nhà nước tự chủ về tài chính được sử dụng nguồn thu của mình để chi cho hoạt động sáng kiến.

d) Cơ quan, tổ chức hoạt động bằng tiền ngân sách Nhà nước được sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp theo kế hoạch hàng năm để chi cho hoạt động sáng kiến.

CHƯƠNG 5:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

Giao Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Nam Định. Các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp cùng hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện quy định này. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các ý kiến phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ NHÌNH

Nguyễn Văn Tuấn

Phụ lục 1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi:

Tôi (chúng tôi) ghi tên dưới đây:

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả, nếu có)
1						
2						
..						

Là tác giả (nhóm tác giả) đề nghị xét công nhận sáng kiến:

.....
- Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (trường hợp tác giả không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến):

- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:

- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử, (ghi ngày nào sớm hơn):
.....

- Mô tả bản chất của sáng kiến:

- Những thông tin cần được bảo mật (nếu có):

- Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử (nếu có):.....

Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có):

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ
1						
2						
..						

Tôi (chúng tôi) xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ngày ... tháng... năm

Người nộp đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử (nếu có):.....

Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có):

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ
1						
2						
..						

Tôi (chúng tôi) xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng... năm

Người nộp đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

(TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN)
(TÊN CƠ QUAN ÁP DỤNG SÁNG KIẾN)

BÁO CÁO SÁNG KIẾN

(Tên sáng kiến)

Tác giả:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Chức vụ:.....

Nơi công tác:.....

Địa danh, Ngày.....tháng.....năm

THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN

THÔNG TIN CHUNG

1. Tên sáng kiến:

.....

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:

.....

3. Thời gian áp dụng sáng kiến: Từ ngày...tháng... năm... đến ngày.... tháng.... năm.....

4. Tác giả:

Họ và tên:

Năm sinh:

Nơi thường trú:

Trình độ chuyên môn:.....

Chức vụ công tác:

Nơi làm việc:.....

Điện thoại:

Tỷ lệ đóng góp tạo ra sáng kiến:%

5. Đồng tác giả (nếu có):

Họ và tên:

Năm sinh:

Nơi thường trú:

Trình độ chuyên môn:.....

Chức vụ công tác:

Nơi làm việc:.....

Điện thoại:

Tỷ lệ đóng góp tạo ra sáng kiến:%

6. Đơn vị áp dụng sáng kiến:

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại:

BÁO CÁO SÁNG KIẾN

I. Điều kiện hoàn cảnh tạo ra sáng kiến:

.....
.....

II. Mô tả giải pháp kỹ thuật

II.1. Mô tả giải pháp trước khi tạo ra sáng kiến

.....
.....

II.2. Mô tả giải pháp sau khi có sáng kiến

.....
.....
.....

III. Hiệu quả do sáng kiến đem lại:

III.1. Hiệu quả kinh tế (Giá trị làm lợi tính thành tiền):

.....
.....
.....

III.2. Hiệu quả về mặt xã hội (Giá trị làm lợi không tính thành tiền(nếu có)):

a. Giá trị làm lợi cho môi trường:

.....
.....
.....

b. Giá trị làm lợi cho an toàn lao động:

.....
.....
.....

c. Giá trị làm lợi khác:

IV. Cam kết không sao chép hoặc vi phạm bản quyền.

**CƠ QUAN ĐƠN VỊ
ÁP DỤNG SÁNG KIẾN**
(xác nhận)

.....
.....

(Ký tên, đóng dấu)

TÁC GIẢ SÁNG KIẾN
(Ký tên)

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO

- 1. Bản vẽ mô tả chi tiết giải pháp của sáng kiến (nếu có)**
- 2. Ảnh minh họa sáng kiến được áp dụng trong thực tế**
- 3. Sản phẩm khác kèm theo (nếu có)**